

## MỘT SỐ BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI DAO QUẦN CHỆT Ở XÓM MẠ, XÃ TU LÝ, HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÀ BÌNH

VŨ TUYẾT LAN

Hôn nhân là một lĩnh vực quan trọng của văn hoá và xã hội, có sự khác biệt giữa các dân tộc, cộng đồng dân cư, vùng miền, lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp... Trong Nhân học, hôn nhân thường được hiểu là mối quan hệ gắn bó được xã hội thừa nhận giữa một người đàn ông và một người đàn bà, được xây dựng mang tính văn hoá nhằm mục đích duy trì nòi giống một cách hợp pháp, tạo gia đình hạt nhân hoặc hộ gia đình mới (Barfield, 1997). Chính vì vậy, việc nghiên cứu hôn nhân và gia đình mang nhiều ý nghĩa khoa học, vừa góp phần làm sáng tỏ những quan hệ xã hội tộc người, vừa góp phần chỉ ra những quy luật phát triển của các thiết chế hôn nhân và gia đình, quan hệ gia đình và những mối liên hệ của chúng với các yếu tố kinh tế - xã hội của một xã hội cụ thể, là nền tảng cho sự phát triển tiếp theo của mỗi quốc gia nói chung và mỗi tộc người nói riêng.

Nhằm cung cấp những tài liệu thực tế góp phần thực hiện các mục tiêu trên, cùng với hai bài viết khác của chúng tôi đã công bố về hôn nhân truyền thống của người Dao Quần Chẹt (Vũ Tuyết Lan, 2005; 2006), bài viết này tập trung trình bày một số biến đổi cơ bản trong hôn nhân của nhóm Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hà Bình.

Vấn đề hôn nhân và gia đình khá được chú ý trong giới nghiên cứu Dân tộc học,

Nhân học, nhất là trong những năm gần đây. Một đặc điểm chung dễ nhận thấy của các công trình nghiên cứu này là nét văn hóa truyền thống mang tính đặc trưng tộc người được mô tả chi tiết, là nguồn tài liệu Dân tộc học quý giá và phong phú.

Trước đây, có nhiều học giả cho rằng gia đình mẫu hệ hình thành sớm hơn và bị coi là trì trệ, lạc hậu hơn gia đình phụ hệ (Nguyễn Thị Hoà, 1990). Tuy nhiên, một nghiên cứu về hôn nhân và gia đình của các tộc người theo chế độ mẫu hệ được khá nhiều người biết đến là “*Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô - Pôlynêxia Trùng Sơn - Tây Nguyên*” của Vũ Đình Lợi lại chỉ ra những điều ngược lại. Công trình nghiên cứu này đã tái hiện lại quá trình tan rã của đại gia đình mẫu hệ, vốn bị coi là kém “tiến bộ” hơn, nhường chỗ cho tiểu gia đình mẫu hệ. Tác giả cho rằng, cũng chính từ quan niệm sai lầm này đã dẫn đến chủ trương xoá bỏ ngôi nhà dài, đặc trưng của đại gia đình mẫu hệ, ở một số địa phương. Từ nghiên cứu của mình, ông đã bác bỏ quan điểm cho rằng, các dân tộc mẫu hệ sẽ còn trì trệ hơn, lạc hậu hơn nếu không chuyển sang tiểu gia đình phụ hệ (Vũ Đình Lợi, 1996).

Vấn đề hôn nhân và gia đình của các dân tộc ở miền núi phía Bắc cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tác giả Đỗ Thuý Bình với công trình “*Hôn nhân và gia đình*

*các dân tộc Tày, Nùng và Thái ở Việt Nam*” đã cho thấy đặc trưng tộc ngữ của các quan hệ hôn nhân và gia đình; đồng thời cũng chỉ ra những xu hướng phát triển của thiết chế này ở các dân tộc Tày, Thái và Nùng ở miền núi phía Bắc nước ta trong sự chuyển đổi. Bên cạnh đó, tác giả cũng cho rằng chính những nghi lễ truyền thống cùng với sự chuyển đổi chậm chạp của nó, ở một mức độ nào đó, là lực cản trên con đường xây dựng nếp sống mới của các dân tộc nói trên (Đỗ Thuý Bình, 1994).

Bên cạnh các công trình có ý nghĩa về khảo tả Dân tộc học, cũng có không ít nghiên cứu đặt vấn đề hôn nhân và gia đình trong tiến trình lịch sử của dân tộc, đặc biệt là trong vòng 50 năm trở lại đây, để từ đó tìm ra quy luật và những xu hướng biến đổi. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chỉ tập trung vào đối tượng nghiên cứu là người Kinh, từ đó khái quát nên những đặc điểm của hôn nhân và gia đình Việt Nam (Đỗ Thị Bình, 2006).

### 1. Vài nét về điểm nghiên cứu

Tu Lý là xã vùng cao miền núi của huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Diện tích tự nhiên của xã là 8.768 km<sup>2</sup>, trong đó có 112 ha rừng trồng và 2.500 ha rừng khoanh nuôi bảo vệ. Đất đai ở đây khá thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp. Tuy nhiên, diện tích lúa nước tương đối ít, nhất là diện tích đất của các xóm người Dao. Trong một năm, có bốn mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình khoảng 20° C. Và ở những tháng mùa đông, nhiệt độ xuống thấp, thường có nhiều sương muối và sương mù, ảnh hưởng xấu đến cây trồng vụ đông xuân.

Xã Tu Lý hiện có hai nhóm Dao cùng cư trú là Dao Tiền và Dao Quần Chẹt, chiếm khoảng 17% dân số của xã. Đồng bào cư trú thành các xóm riêng biệt với người Mường, người Kinh và người Tày trong xã. Người Dao Quần Chẹt bắt đầu di cư tự phát đến xóm Mạ vào những năm 1957 - 1958. Từ những năm 1960, theo cuộc vận động của Nhà nước về việc hạ sơn thành lập hợp tác xã và sống định canh định cư, người Dao Quần Chẹt tiếp tục chuyển đến nhiều hơn và hình thành nên xóm Mạ ngày nay. Cũng trong thời gian này, đồng bào bắt đầu khai phá ruộng nước và cùng các dân tộc trong vùng như người Mường, người Tày và người Kinh thành lập hợp tác xã nông nghiệp.

Về giáo dục, xã Tu Lý hiện có hai trường tiểu học và một trường phổ thông cơ sở, được phân bố một cách hợp lý để trẻ em các xóm đều có điều kiện tới trường. Tất cả các cấp học, đều có học sinh là con em người Dao.

Về hệ thống y tế, xã Tu Lý hiện nay có hai trạm y tế, với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn. Ngoài ra, y tế thôn bản cũng đã được hình thành và mỗi bản đều có một nhân viên y tế là người địa phương. Vì thế, nạn hữu sinh vô dưỡng ở người Dao không còn phổ biến như trước; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hiện nay cũng rất thấp. Đến nay, hầu như 100% phụ nữ Dao đã sinh đẻ ở các cơ sở y tế. Do đó, hiện tượng tử vong của sản phụ và trẻ em rất thấp. Trong những năm qua, một số chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nhất là chăm sóc thai sản và trẻ sơ sinh, cũng được tiến hành tại địa bàn này.

## 2. Một số biến đổi trong hôn nhân của người Dao Quần Chẹt

Hiện nay, hôn nhân của người Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ đang dần biến đổi trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, rõ nét và đáng chú ý gồm các vấn đề sau:

- Độ tuổi kết hôn trung bình tăng lên: Trước đây trai gái người Dao Quần Chẹt nói riêng và người Dao nói chung thường được cha mẹ dựng vợ gả chồng vào khoảng 15 - 16 tuổi. Hiện nay, theo một kết quả nghiên cứu chung, tuổi kết hôn lần đầu của người Dao đã tăng lên khoảng 20,41 đối với nam và 19,68 đối với nữ (Đặng Thu, 1995). Nghiên cứu của chúng tôi tại xóm Mạ cũng cho kết quả tương tự. Tuy nhiên trên thực tế, tình trạng tảo hôn vẫn còn diễn ra, nhất là ở các em gái. Cũng không phải tất cả các cặp vợ chồng đều tự nguyện kết hôn theo đúng độ tuổi được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình, mà phải có sự tác động của các tổ chức đoàn thể, thậm chí là sự can thiệp hành chính của chính quyền địa phương. Chẳng hạn, vào thời điểm chúng tôi tiến hành khảo sát tại xóm Mạ, đã có một em gái 15 tuổi dự định kết hôn với chàng trai cùng làng, tất nhiên là không thể đăng ký với chính quyền vì cô chưa đến tuổi kết hôn. Hai bên gia đình đã chuẩn bị lễ cưới đầy đủ, nhưng chính quyền xã phát hiện và kịp thời tiến hành các biện pháp thuyết phục, giáo dục. Kết quả là cả hai gia đình phải chấp nhận hoãn đám cưới đến khi em gái tròn 18 tuổi. Như vậy, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù độ tuổi kết hôn trung bình của người Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ hiện đã tăng lên gần như đáp ứng được quy định của pháp luật, nhưng do ảnh hưởng của tập tục

và thói quen cũ nên hiện tượng tảo hôn, nhất là đối với các em gái, vẫn còn diễn ra.

Trước đây, người Dao Quần Chẹt thường xây dựng gia đình sớm, vì một số lý do chính sau đây: Điều kiện lao động nặng nhọc nên muốn con cái kết hôn sớm để có thêm lao động; trình độ học vấn thấp và khả năng thoát ly hầu như không có nên thanh niên có tâm lý kết hôn sớm để ổn định cuộc sống riêng; chính sách giao khoán ruộng đất và vườn rừng cho các hộ gia đình quản lý sử dụng cũng là động lực khiến không ít thanh niên kết hôn sớm để được nhận đất đảm bảo cuộc sống lâu dài...

Hiện nay, độ tuổi kết hôn trung bình ở người Dao Quần Chẹt tăng lên, vì: Thanh niên ngày càng có trình độ học vấn cao hơn; được tiếp xúc với các dân tộc có độ tuổi kết hôn cao như người Kinh; một số thanh niên có điều kiện thoát ly và kết hôn muộn như đi bộ đội, làm giáo viên, hay tham gia hoạt động trong các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó là những tác động không nhỏ của các phương tiện thông tin truyền thông đến nhận thức của người dân. Hơn thế nữa, phải kể đến những nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể và xã hội nhằm đưa Luật Hôn nhân và Gia đình vào thực tiễn địa phương.

- Quan niệm và tiêu chí kết hôn đang thay đổi: Mặc dù mục đích chính của hôn nhân nói chung vẫn là nhằm sinh sản để phát triển nòi giống, gia đình và dòng tộc. Nhưng ngày nay, hôn nhân đa phần đã dựa trên kết quả tìm hiểu và tình yêu lứa đôi, nhằm tạo lập gia đình hạnh phúc cho chính mình, không còn hoàn toàn phụ thuộc vào ý định của cha mẹ và mong muốn để có thêm sức lao động

cho gia đình nh- tr- ớc nữa. Chính vì vậy, yếu tố này một mặt tác động đến độ tuổi kết hôn tăng lên, mặt khác cũng khiến tình trạng vợ nhiều tuổi hơn chồng tr- ớc đây đã hầu nh- không còn, thay vào đó là ng- ời chồng th- ờng nhiều tuổi hơn vợ. Bên cạnh đó, nếu nh- tr- ớc đây, tiêu chí lựa chọn vợ chồng th- ờng tập trung vào sức khoẻ, khả năng sinh sản, kỹ năng lao động, tính nết, đạo đức, điều kiện kinh tế gia đình... thì hiện nay, tuy những yếu tố trên vẫn đ- ợc coi trọng, nh- ng ng- ời Dao Quần Chẹt cũng đã quan tâm hơn đến trình độ học vấn, nghề nghiệp ổn định và hình thức bên ngoài của bạn đời.

- Quyền quyết định hôn nhân đã thay đổi khá cơ bản: Tr- ớc đây việc tìm vợ, gả chồng cho con cái thuộc về cha mẹ và ông bà. Ngày nay, trai gái có quyền tìm hiểu, yêu th- ơng và quyết định chuyện hôn nhân của chính mình. Chính vì vậy, việc lựa chọn ng- ời bạn đời không còn bị các yếu tố nh- hoàn cảnh xuất thân, thành phần dân tộc, địa vị xã hội, ý kiến gia đình và d- luận cộng đồng chi phối nh- tr- ớc nữa. Mặc dù vậy, do đã có truyền thống lâu đời, nên việc cha mẹ can thiệp vào chuyện hôn nhân của các con vẫn tiếp tục diễn ra, nh- ng mức độ ảnh h- ưởng và kết quả rất khác nhau tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể. Chẳng hạn, tr- ờng hợp kết hôn giữa chị Oanh là ng- ời Dao Tiên và anh Tiến là ng- ời Dao Quần Chẹt ở cùng xã Tu Lý. Cuộc hôn nhân này không đ- ợc cộng đồng và cha mẹ hai bên chấp nhận, nhất là gia đình anh Tiến, bởi hai lý do chính: Thứ nhất, tục lệ từ tr- ớc tới nay không cho phép ng- ời Dao Tiên và ng- ời Dao Quần Chẹt kết hôn với nhau. Thứ hai, gia đình anh Tiến không muốn anh đi ở rể. Nh- ng hai ng- ời vẫn quyết định

hạnh phúc của mình bằng cách đăng ký kết hôn tại chính quyền xã và anh Tiến xin chuyển khẩu về nhà chị Oanh sinh sống. Sau hôn nhân, hai ng- ời vẫn phải chịu cảnh dị nghị của gia đình anh Tiến và cộng đồng, vì ng- ời dân tin rằng con cái của hai ng- ời sẽ bị dị tật bẩm sinh và cuộc sống của họ sẽ không hạnh phúc, bởi đây là cuộc hôn nhân “trái phong tục”. Tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay đôi vợ chồng vẫn sống với nhau hạnh phúc và đã sinh ra những đứa con lành lặn nh- những đứa trẻ khác.

- Nguyên tắc và hình thức kết hôn có nhiều thay đổi: Tr- ớc đây, ng- ời Dao Quần Chẹt chủ yếu thực hiện nguyên tắc ngoại hôn dòng họ trong nội bộ nhóm tộc ng- ời với nhau, nhất là th- ờng khép kín trong cùng một làng. Những ng- ời cùng họ - theo quan niệm của ng- ời Dao là cùng huyết thống - không đ- ợc phép kết hôn hay quan hệ tính giao, nếu vi phạm sẽ mắc tội loạn luân và bị cộng đồng xử phạt nghiêm khắc, nh- : gia đình có ng- ời vi phạm phải làm lễ cúng tạ tội cho cộng đồng, những kẻ vi phạm phải bỏ làng đi nơi khác sinh sống. Nh- ng hiện nay, một xu h- ướng mới xuất hiện và ngày càng phát triển. Đó là sự gia tăng các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa ng- ời Dao Quần Chẹt với các dân tộc khác trong vùng và thậm chí là với ng- ời Dao Tiên vốn tr- ớc đây bị luật tục ngăn cấm. Theo thống kê, ở xóm Mạ hiện đã có 10/80 hộ gia đình kết hôn hỗn hợp, chiếm tỷ lệ 12,5% so với số hộ gia đình hôn nhân cùng tộc là 77,5%. Trong số những gia đình kết hôn hỗn hợp dân tộc, chủ yếu vẫn là phụ nữ ng- ời Dao Quần Chẹt lấy chồng là ng- ời Kinh. Một đặc điểm cũng rất đáng chú ý là có khá nhiều chàng rể khác tộc đến c- trú

bên vợ mà ng-ời Dao gọi là “bắt” rể đời và cũng rất ít tr-ờng hợp con trai ng-ời Dao lấy con gái các dân tộc khác làm vợ.

Hôn nhân hỗn hợp dân tộc chính là yếu tố quan trọng dẫn đến những thay đổi trong nếp sống gia đình, đồng thời cũng là minh chứng cho sự hiểu biết, tôn trọng và xích lại gần nhau giữa các dân tộc trong quá trình hoà hợp. Một trong những nhân tố tác động cơ bản đến xu h-ớng kết hôn này là việc c- trú xen kẽ đã tạo cơ hội để các dân tộc có điều kiện giao l-u tiếp xúc với nhau. Khi gia đình hỗn hợp ra đời, xu h-ớng tồn tại và phát triển của chúng cũng ít nhiều khác biệt so với những gia đình thuần dân tộc, thể hiện trên nhiều lĩnh vực, nh- ngôn ngữ sử dụng hàng ngày trong gia đình và xác định thành phần dân tộc của con cái. Hơn thế nữa, trong quá trình chung sống, đôi vợ chồng cũng phải quen dần với đặc tr-ng văn hoá của nhau, dẫn đến việc hình thành những đặc điểm văn hoá chung mang sắc thái văn hoá của cả hai dân tộc, đồng thời vẫn l-u giữ đ-ợc những bản sắc văn hoá riêng của mình. Đây là những nhân tố mới quan trọng trong đời sống hôn nhân và gia đình của ng-ời Dao Quần Chẹt hiện nay mà tr-ớc đây không có.

- Thay đổi trong phong tục tập quán hôn nhân: Mặc dù trong hôn nhân của ng-ời Dao Quần Chẹt vẫn còn l-u giữ khá đậm nét những nghi lễ, kiêng cử và phong tục tập quán cổ truyền, nhất là các đám c- ới giữa những ng-ời Dao Quần Chẹt với nhau, nh- : Tục ở rể một thời gian hay tục bắt rể đời; tục lại mặt; tục nhà trai lo lễ vật “nộp” cho nhà gái; chế độ hôn nhân một vợ một chồng bền vững, hiện t- ợng ly dị và ngoại tình không

đ- ợc d- luận và luật tục ủng hộ; c- trú sau hôn nhân bên nhà chồng, ngoại trừ những tr-ờng hợp ở rể đời; ý kiến của cha mẹ và những ng-ời có uy tín trong gia đình và dòng họ vẫn còn đóng vai trò khá quan trọng... Tuy nhiên, nhiều tập tục trong hôn nhân hiện cũng đã có sự biến đổi, nhất là những cuộc kết hôn diễn ra giữa ng-ời Dao Quần Chẹt với ng-ời khác tộc. Chẳng hạn nh- : Tục thách c- ới và của hồi môn bằng bạc trắng tr- ớc đây đã không còn nữa, thay vào đó là những lễ vật phù hợp với cuộc sống hiện tại; nhà gái đã tự chuẩn bị cỗ c- ới mà không bắt nhà trai phải làm hộ cho mình; sự giúp đỡ hỗ trợ nhau về vật chất giữa những ng-ời họ hàng và què mừng trong đám c- ới tr- ớc đây th- ờng là l- ợng thực, thực phẩm và r- ợu thì hiện nay đã chuyển sang giúp đỡ nhau và tặng quà c- ới bằng tiền...

- Thay đổi trong hình thức tổ chức lễ c- ới: Đây là lĩnh vực cho thấy sự biến đổi rõ ràng nhất trong hôn nhân. Nếu một ng-ời từ xa tới lần đầu bắt gặp một đám c- ới của ng-ời Dao Quần Chẹt hiện nay sẽ rất khó phân biệt với một đám c- ới của ng-ời Kinh trong vùng. □ đây, có sự giống nhau khá cơ bản trong cách trang trí hội tr- ờng, trang phục chú rể và cô dâu, âm nhạc, cỗ c- ới, quay phim, chụp ảnh...

### 3. Nguyên nhân và xu h-ớng biến đổi trong hôn nhân của ng-ời Dao Quần Chẹt

#### 3.1. Yếu tố kinh tế

Tr- ớc đây, ng-ời Dao Quần Chẹt có truyền thống du canh du c- , với hoạt động sản xuất chính là canh tác n- ợng rẫy để đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp trong gia đình và cộng đồng. Cuộc sống rất bấp bênh, hầu nh-

phụ thuộc vào thiên nhiên. Từ những năm 1960, khi Nhà nước thực hiện chính sách hạ sơn để xây dựng cuộc sống định canh định cư, người Dao Quần Chẹt bắt đầu trồng thêm cây lúa nước; nhờ vậy, đời sống của họ từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, tình hình sản xuất và đời sống vật chất của đồng bào thực sự thay đổi kể từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện chính sách Đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Người Dao Quần Chẹt đã bắt đầu hình thành thành tựu kinh tế và hình thức sản xuất mới, vừa đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vừa là hàng hoá đưa ra thị trường để phục vụ nhu cầu của xã hội. Ngoài trồng trọt cây lúa, người dân đã phát triển các mô hình sản xuất mới trên đất vườn đồi và vườn nhà, kết hợp giữa trồng và giữ rừng với các cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, lạc, mía, và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong đó, việc trồng cây mía cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường Hoà Bình và nuôi “lợn Mán” cung cấp cho các nhà hàng đặc sản tại địa phương và những vùng lân cận đang rất phát triển. Những hoạt động này đem lại nguồn thu nhập rất cao cho người Dao Quần Chẹt so với độc canh cây lúa trước đây. Mặc dù mới xuất hiện và chưa hình thành một hệ thống ổn định, nhưng những chuyển đổi kinh tế này đã và đang góp phần quan trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của người Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ.

Cùng với việc chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng phát triển các sản phẩm hàng hoá, các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể địa phương đã và đang có sự quan tâm sâu sắc tới người Dao và các dân tộc khác bằng hình thức tổ chức các khoá tập huấn nâng

cao trình độ sản xuất, phổ biến kiến thức mới trong trồng trọt và chăn nuôi cho các hộ gia đình. Từ đó, nâng cao nhận thức và từng bước chuyển giao các thành tựu khoa học cho người dân trong quá trình sản xuất, góp phần tăng năng suất lao động và thu nhập cho đồng bào.

Hoạt động kinh tế ngày càng phát triển do hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được ưu tiên phát triển và chính sách tự do lưu thông hàng hoá. Hệ thống điện, đường, trường, trạm được xây dựng mới hoặc cải tạo đồng bộ, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các nguồn lực hiện có để phát triển kinh tế hộ gia đình. Các hình thức tiêu thụ sản phẩm và cung ứng hàng hoá của cả Nhà nước và tư nhân ngày càng được mở rộng và trở nên thuận tiện hơn. Sản phẩm người dân làm ra có thể dễ dàng được tiêu thụ bằng cách bán trực tiếp tại các điểm thu mua của Nhà nước và tư nhân, tại các chợ địa phương hoặc tư nhân đến thu mua tại nhà. Bên cạnh đó, người dân cũng có thể dễ dàng mua các trang thiết bị và vật tư phục vụ sản xuất cũng như các nhu yếu phẩm sinh hoạt hàng ngày tại các thị trấn, thị tứ, chợ hay những điểm mua bán lẻ tại cộng đồng. Có thể nói, nền kinh tế hàng hoá đã len lỏi đến từng bản làng và gia đình của người Dao Quần Chẹt, góp phần làm thay đổi đời sống văn hoá và xã hội của người dân. Bởi khi điều kiện kinh tế được cải thiện, cơ hội học hành, chăm sóc sức khoẻ, tiếp cận thông tin và vui chơi giải trí của người dân cũng sẽ được nâng cao. Bên cạnh đó, những đồ gia dụng phục vụ cuộc sống hàng ngày của con người cũng được các gia đình sử dụng nhiều hơn, làm giảm bớt áp lực công việc hàng ngày, nhất là

cho phụ nữ và trẻ em gái, tạo thêm cơ hội để những đối tượng này được chăm sóc sức khoẻ, học hành, vui chơi giải trí, giao tiếp xã hội, tiếp cận và hưởng các phúc lợi xã hội...

### **3.2. Tác động của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá**

Với người Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ, thời kỳ khép kín một cách tương đối đã chấm dứt khi Nhà nước thực hiện các chương trình hạ sơn, định canh định cư, di dân xây dựng kinh tế mới, phân bố lại dân cư để xây dựng các công trình trọng yếu của quốc gia như thủy điện Hoà Bình. Một trong những kết quả của các chính sách này là sự cư trú xen cài giữa người Kinh, người Thái, người Mường và người Dao với nhau. Do đó, cơ hội tiếp xúc, giao lưu trong mọi lĩnh vực giữa các dân tộc ngày càng tăng lên. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng và kết hôn giữa các tộc người với nhau. Bên cạnh đó, họ còn có thể học hỏi và chia sẻ những tập quán mới phù hợp, từ đó giảm bớt những tập tục rườm rà trong cuộc sống nói chung và hôn nhân nói riêng.

Ngoài ra, trong bối cảnh bùng nổ thông tin đại chúng và chính sách hội nhập của đất nước, người Dao Quần Chẹt cũng có nhiều cơ hội tiếp nhận những thông tin và lối sống mới từ các cộng đồng dân cư khác ở trong và ngoài nước, thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau như sách, báo, tài liệu hướng dẫn, đài, tivi, phim, tranh ảnh, điện thoại, internet... Từ đó, họ đã hình thành tâm lý hướng ngoại, không chỉ còn mong muốn có một cuộc sống đơn giản và tĩnh tại trong cộng đồng truyền thống. Điều này đã và đang có những

tác động nhất định đến các khía cạnh khác nhau trong đời sống hôn nhân và gia đình của người Dao Quần Chẹt.

### **3.3. Thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình**

Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi được Quốc hội nước ta thông qua gần đây nhất là ngày 9 tháng 6 năm 2000, và có hiệu lực từ ngày 01- 01- 2001. Trong Luật này đã có một hệ thống các quy định riêng nhằm có thể áp dụng những nội dung tiến bộ của Luật vào thực tiễn đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta. Về cơ bản, Luật Hôn nhân và Gia đình được xây dựng trên nền tảng tôn trọng và khuyến khích đồng bào các dân tộc giữ gìn, phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp, thể hiện bản sắc riêng của mỗi dân tộc trong hôn nhân và gia đình; không trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình của nước ta từ trước đến nay, phù hợp với nền tảng đạo đức xã hội.

Để Luật đi vào thực tiễn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2002/NĐ-CP quy định và khuyến khích các dân tộc phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp trong hôn nhân, như: Chế độ hôn nhân một vợ một chồng; nam, nữ tự do tìm hiểu và lựa chọn bạn đời; sau khi kết hôn, tùy theo sự sắp xếp thỏa thuận giữa hai bên gia đình, vợ chồng có thể cư trú ở nhà vợ hoặc nhà chồng; phong tục tập quán chấp nhận hôn nhân giữa những người thuộc dân tộc mình và những người thuộc dân tộc khác; quan hệ hôn nhân và gia đình bền vững... Bên cạnh đó, Nghị định này cũng thể hiện rõ quan điểm nghiêm khắc, kiên quyết loại bỏ những "hủ tục lạc hậu" tác động tiêu cực đến đời sống xã hội nói chung và hôn nhân và gia đình nói riêng,

nhất là cản trở việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình vào cuộc sống. Cụ thể là: Nghị định đã đ- a ra một danh mục những hủ tục cần phải loại bỏ, gồm: Chế độ hôn nhân đa thê; kết hôn giữa những ng- ời cùng dòng máu về trực hệ, giữa những ng- ời có liên quan dòng họ trong phạm vi ba đời; tục c- ớp vợ để ép ng- ời phụ nữ làm vợ; thách c- ới cao mang tính chất gả bán (nh- đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn c- ới); phong tục “nối dây” (khi chồng chết thì ng- ời vợ bị ép kết hôn với anh hoặc em trai của ng- ời chồng quá cố, hoặc khi ng- ời vợ chết thì ng- ời chồng bị ép buộc kết hôn với chị hoặc em gái của vợ quá cố); tập tục bắt ng- ời phụ nữ goá chồng hoặc ng- ời đàn ông goá vợ, nếu muốn kết hôn với ng- ời khác thì phải trả lại những phí tổn tổ chức đám c- ới tr- ớc đây cho nhà chồng hoặc nhà vợ đã chết; đòi lại của hồi môn và phạt vạ khi vợ chồng ly hôn...

Sự ra đời và áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình đã góp phần làm giảm tính hiệu lực của các quy định mang tính luật tục và tập quán trong hôn nhân và gia đình. Tuy vậy, đây cũng là một hệ quả mang tính hai mặt. Một mặt, Luật đã hạn chế những tập tục, quan niệm lạc hậu trong hôn nhân, nh- : tảo hôn, đa thê, tính chất ép gả và mua bán, lễ vật và tiền thách c- ới nặng nề, mức độ phạt vạ đối với ng- ời vi phạm quá lớn... Tuy nhiên, khi áp dụng luật vào thực tiễn đã nảy sinh một số vấn đề bất cập cần đ- ọc xem xét và điều chỉnh cho phù hợp, nh- : Một số ng- ời vi phạm không chấp nhận xử theo luật tục của cộng đồng mà muốn đ- ọc xử theo luật của Nhà n- ớc, vì mức độ xử phạt quy định trong luật rất nhẹ hoặc không bắt buộc phải xét xử đối với tr- ờng hợp gây mâu

thuẫn và xô xát trong gia đình, ngoại tình, sinh hoạt tình dục bừa bãi, có thai ngoài hôn nhân... trong khi đây là những vi phạm bị xử rất nặng theo luật tục. Do đó, tính giáo dục và răn đe của Luật ch- a cao, tạo điều kiện cho một số vấn đề liên quan đến đời sống hôn nhân và gia đình nh- ngoại tình, bạo lực gia đình, sinh hoạt tình dục tr- ớc hôn nhân, có con ngoài giá thú... có nguy cơ sẽ gia tăng trong cộng đồng ng- ời Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý.

#### 4. Kết luận

Những điều kiện kinh tế và xã hội mới, nhất là việc thực hiện có hiệu quả các chủ tr- ơng, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà n- ớc ta về phát triển kinh tế - xã hội đã và đang có những tác động không nhỏ vào quá trình phát triển đời sống hôn nhân của ng- ời Dao Quần Chẹt. Đặc biệt, việc thực hiện có hiệu quả Luật Hôn nhân và Gia đình và những quy định liên quan trong điều kiện thực tiễn địa ph- ơng và của cả hệ thống chính trị xã hội là yếu tố quan trọng dẫn đến sự thay đổi trong hôn nhân của ng- ời Dao Quần Chẹt ở xóm Mạ hiện nay. Tuy nhiên, để có thể đ- a những nội dung tiến bộ của Luật và những chính sách liên quan đến từng gia đình, ngoài việc yêu cầu ng- ời dân chấp hành, rất cần có sự tham gia tích cực hơn nữa của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể và tổ chức xã hội ở địa ph- ơng. Bên cạnh đó, cần căn cứ vào tình hình cụ thể từng cộng đồng dân c- để xây dựng các bản quy - ớc chung về xây dựng gia đình văn hoá và bản làng văn hoá, mà trong đó, một nội dung quan trọng là vấn đề hôn nhân nói chung và c- ới xin nói riêng.

Những biến đổi trong hôn nhân nêu trên đã và đang có những ảnh h- ớng tích

cực đến đời sống không chỉ của ng-ời Dao Quần Chẹt mà còn của các dân tộc khác. Do đó, cần chú ý tăng c-ờng sự hiểu biết, tôn trọng, đoàn kết và gắn bó giữa các gia đình, dòng họ và tộc ng-ời trong làng và trong vùng; hạn chế dần những tập tục không còn phù hợp trong xã hội hiện tại và có thể gây trở ngại cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá mới nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng, nh- hôn nhân ép gả, mua bán, tổ chức đám c-ới tốn kém và lãng phí thời gian, của cải. Tuy vậy, một số biến đổi thái quá theo hình mẫu của ng-ời Kinh cũng cần phải đ-ọc xem xét và điều chỉnh cho phù hợp, để tránh tình trạng lai căng và mai một bản sắc văn hoá dân tộc. Ngoài ra, cũng rất cần sự quan tâm ủng hộ để ng-ời dân có thể tiếp tục duy trì và phát huy những tập tục tốt đẹp trong hôn nhân, nh- : Chế độ hôn nhân một vợ một chồng; gia đình bền vững không ủng hộ việc ngoại tình và ly dị; tôn trọng và cân nhắc ý kiến của cha mẹ... Đồng thời cũng có chính sách cụ thể để khuyến khích những nhân tố mới phát triển nh- hôn nhân dựa trên tình yêu và đảm bảo hạnh phúc đôi lứa; hôn nhân khác tộc và khác làng; kết hôn đúng độ tuổi và phải đăng ký kết hôn theo qui định...

### Tài liệu tham khảo

1. Barfield, Thomas (1997), *The Dictionary of Anthropology*, Blackwell Publishers.
2. Đỗ Thuý Bình (1994), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng và Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đỗ Thị Bình (2006), “Gia đình Việt Nam trong 50 năm qua”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 3, tr. 33- 44 và Số 4, tr. 77 - 90.
4. Phạm Trọng C-ờng (2003), *Hỏi đáp về luật hôn nhân - gia đình đối với đồng bào các dân tộc thiểu số và quan hệ hôn nhân - gia đình có yếu tố n-ớc ngoài*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Mai Văn Hai (2004), “Tổng quan về gia đình và biến đổi gia đình của ng-ời Việt hơn nửa thế kỷ qua”, *Báo cáo Dự án Nghiên cứu gia đình nông thôn trong chuyển đổi*, Viện Xã hội học.
6. Nguyễn Thị Hoà (1990), “Quá trình phân rã của nhà dài Ê đê”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 55 - 61.
7. Vũ Tuấn Huy (1995), “Những khía cạnh của sự biến đổi gia đình”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, tr. 13 - 26.
8. Vũ Tuyết Lan (2005), “Các nghi lễ hôn nhân của ng-ời Dao Quần Chẹt”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Vũ Tuyết Lan (2006), “Quan niệm truyền thống về hôn nhân của ng-ời Dao Quần Chẹt”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2006*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Vũ Đình Lợi (1996), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô - Polynéxia Tr-ờng Sơn - Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đặng Thu (1995), “Về tình trạng hôn nhân ở các dân tộc sinh sống tại Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 9 - 14.